

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Trạm biến áp 220kV Bắc Ninh 5 và đường dây dây đầu nối dự kiến xây dựng tại khu vực ruộng lúa thuộc địa phận phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh. [ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan. 2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 v/v ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn điện lực Việt Nam (quyết định 514). <p>(Trường hợp có quy định thay thế thì cập nhật theo quy định thay thế)</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. [ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]. - Địa chỉ: Số 04, Nguyễn Khắc Nhu, Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam. [ghi đầy đủ địa chỉ]. - Điện thoại: (84-24) 3984 0822; 2210 3063. [ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. - Fax: (84-24) 3984 0824. [ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. - Địa chỉ email: Không có [ghi địa chỉ email (nếu có)].
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 20 ngày

kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nộp chậm hơn thời gian nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thông báo hủy hợp đồng và tịch thu bảo lãnh dự thầu

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 30 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Tên bên được bảo lãnh phải là tên của cả nhà thầu liên danh trong Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 30 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

	<p>- Khi Bên B vi phạm hợp đồng và Bên A khấu trừ một phần bảo lãnh do nhà thầu vi phạm thì Bên B phải có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo đảm bị khấu trừ để Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là 10% giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i>.</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết bằng thương lượng. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hàng hoá được giao tại: <i>[ghi địa điểm bàn giao hàng hóa]</i>. Nhà thầu phải lập và trình tiến độ thực hiện hợp đồng chi tiết bao gồm tối thiểu các mốc chính như sau: <ul style="list-style-type: none"> Nộp các bản vẽ kích thước chính, các bản vẽ liên quan đến phần xây dựng và phục vụ lắp đặt; Quá trình gia công chế tạo lõi từ, cuộn dây và vỏ thùng; Tiếp nhận các vật tư thiết bị phụ trợ khác; Đóng vỏ thùng, hút chân không và sấy; Nộp tài liệu kỹ thuật, CO/CQ của các vật tư, thiết bị phụ trợ; Nộp danh mục thiết bị thí nghiệm kèm các chứng chỉ kiểm chuẩn và kế hoạch thử nghiệm xuất xưởng; Thời gian thực hiện từng loại thí nghiệm xuất xưởng; Thời gian bắt đầu vận chuyển hàng;

	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp các tài liệu vận đơn (chỉ đối với các nhà thầu nước ngoài); - Thời điểm vận chuyển đến công trường. <p>3. 07 ngày trước mỗi chuyến giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 01 bản gốc và 02 bản sao các chứng từ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo giao hàng, trong đó xác nhận các chi tiết của chuyến hàng như: số và ngày ký hợp đồng, số kiện hàng, trọng lượng tinh/bì tính bằng kg, số lượng hàng. - Báo cáo kết quả thử nghiệm xuất xưởng do Nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ lô hàng và/hoặc từng đợt giao hàng. - Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hợp lệ (nếu hàng hoá có nguồn gốc từ nước ngoài). - Giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu. - Bảng kê chi tiết hàng hóa đóng gói. - Chứng nhận số lượng và chất lượng do nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp phát hành. - Giấy chứng nhận bảo hiểm vận chuyển; <p>4. Chủ đầu tư có quyền từ chối tiếp nhận hàng hóa nếu các tài liệu do Nhà thầu cung cấp không phù hợp với qui định của hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ một trách nhiệm nào khác.</p> <p>5. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong E-HSMT, hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó, để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung mà Nhà thầu không thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng đến tiến độ đóng điện thì Nhà thầu được xem là vi phạm hợp đồng.</p> <p>6. Trong quá trình thiết kế, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư 03 bộ các bản vẽ và các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa để Chủ đầu tư xem xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu kỹ thuật đáp ứng việc thiết kế thi công của Chủ đầu tư và thiết kế của nhà sản xuất trong vòng bốn (04) tuần sau ngày ký hợp đồng. (ii) Nhà thầu phải nộp 03 bộ (02 bộ cho Chủ đầu tư và 01 bộ cho đơn vị Tư vấn Thiết kế) các bản vẽ và các tài liệu liên quan đến các bản vẽ và công việc thiết kế cho Chủ đầu tư, trong đó ghi rõ “Bản vẽ để phê duyệt” (iii) Không quá 3 tuần sau khi nhận được các bản vẽ và các tài liệu kỹ thuật liên quan nói trên, Chủ đầu tư sẽ gửi lại Nhà thầu một bản sao trong đó ghi rõ những sửa đổi của Chủ đầu tư, nếu có. (iv) Nhà thầu sẽ xem xét, hiệu chỉnh lại bản vẽ theo các ý kiến của Chủ đầu tư trong vòng 02 tuần và gửi cho Chủ đầu tư để xem xét thêm. Nếu Nhà thầu chấp nhận các sửa đổi của Chủ đầu tư,
--	--

	<p>họ có thể tiếp tục sản xuất các hàng hóa đó.</p> <p>(v) Nhà thầu cung cấp 08 bộ tài liệu cuối cùng kèm file pdf.</p> <p>(vi) Việc xem xét, phê duyệt các bản vẽ của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm hợp đồng của Nhà thầu, đặc biệt là về chất lượng và tiến độ giao hàng.</p> <p>(vii) Trước khi giao hàng, Nhà thầu sẽ nộp cho Chủ đầu tư hai (02) bản sao các tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng (theo văn bản số 2152/EVNNPT-QLĐT-KT ngày 02/06/2016) bao gồm ít nhất các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi thọ thiết kế trung bình của thiết bị, điều kiện về chế độ vận hành để đảm bảo đạt được tuổi thọ thiết kế. - Hướng dẫn chi tiết công tác bảo quản, vận chuyển, quy trình lắp đặt, thí nghiệm đóng điện thiết bị sau lắp đặt. - Hướng dẫn vận hành thiết bị trong điều kiện bình thường, xử lý những bất thường; Cảnh báo những chế độ vận hành không bình thường làm ảnh hưởng đến chất lượng, tuổi thọ thiết bị (có phân loại mức độ ảnh hưởng do các chế độ vận hành không bình thường khác nhau gây ra). - Hướng dẫn chi tiết về tần suất, hạng mục kiểm tra, giám sát, theo dõi những chỉ thị, biểu hiện trên thiết bị để phát hiện kịp thời sự bất thường, nguy cơ hư hỏng của thiết bị. - Hướng dẫn công tác thí nghiệm (định kỳ theo từng giai đoạn từ khi bắt đầu đưa thiết bị vào vận hành, các hạng mục thí nghiệm phải thực hiện) các thông số và cách đánh giá để đảm bảo thiết bị đủ tiêu chuẩn vận hành đáng tin cậy. - Hướng dẫn công tác bảo dưỡng định kỳ; Thay thế linh phụ kiện; Sửa chữa những hư hỏng của từng bộ phận để đảm bảo thiết bị đáp ứng vận hành đúng các chức năng. - Những yêu cầu về đào tạo, trang thiết bị cần để vận hành, thí nghiệm, kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; Khuyến cáo những linh phụ kiện cần dự phòng và điều kiện thay thế. <p>Sau khi giao chuyển hàng cuối cùng, nhà thầu tập hợp toàn bộ tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng và tài liệu test report của các đợt giao hàng để gửi cho Chủ đầu tư (06 bản sao tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng; 01 bản gốc và 05 bản sao test report.</p> <p>Yêu cầu về chuyên gia giám sát lắp đặt thiết bị của nhà sản xuất:</p> <p>Chuyên gia giám sát lắp đặt thiết bị của nhà sản xuất phải có mặt tại công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư và tiến độ của dự án.</p> <p>Nhà thầu phải cử chuyên gia giám sát lắp đặt thiết bị của nhà sản xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư/ bên mời thầu và phù hợp tiến độ của dự án. Đối với những thiết bị cần thiết phải có mặt của chuyên gia nhà</p>
--	--

	<p>thầu giám sát quá trình lắp ráp, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thì nhà thầu phải đảm bảo cho các chuyên gia có mặt trên công trường để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải đưa ra các khuyến nghị sửa chữa bằng văn bản tới Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu lắp thực hiện không đúng yêu cầu đã được hướng dẫn. Trường hợp nếu chuyên gia không đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo chủ đầu tư kịp thời thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết bị đã lắp ráp.</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho các nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng: Trộn gói [<i>ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt</i>].</p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng: Cố định.</p> <p>___ [<i>ghi “Cố định” đối với hợp đồng trộn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKCT</i>].</p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép [<i>ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”</i>]. <i>Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nêu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”</i>].</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng, văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B và bảo lãnh tạm ứng theo Mẫu số 20 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, Bên A ứng trước cho Bên B 10% giá trị hàng hóa không bao gồm VAT, theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p>

Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, theo Mẫu số 20 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần thực hiện theo quy định cụ thể trong hợp đồng.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Công tác tạm ứng phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT tại QĐ số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

	<i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i>
E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển tiền</p> <p>Phương thức thanh toán:</p> <p>+ Thanh toán khi giao hàng:</p> <p>Sau khi Bên B giao hàng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 80% giá trị lô hàng giao của từng đợt hàng, 100% thuế GTGT trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Văn bản đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ 01 bản gốc và 04 bản sao các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán ▪ Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng ▪ Bảng kê chi tiết hàng hóa đóng gói ▪ Báo cáo kết quả thử nghiệm xuất xưởng do Nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ lô hàng và/hoặc từng đợt giao hàng; ▪ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hợp lệ (nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài); ▪ Chứng nhận số lượng, chất lượng của hàng hoá. ▪ Giấy chứng nhận bảo hành của Bên bán ▪ Giấy chứng nhận bảo hiểm vận chuyển. ▪ Biên bản chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng (nếu có); ▪ Biên bản nghiệm thu hoàn thành ▪ Bản thanh toán theo quy định <p>+ Mười phần trăm (10%) giá trị còn lại của hàng hóa không bao gồm VAT sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày đóng điện nghiệm thu công trình hoặc 03 tháng kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng (thời hạn nào đến trước thì áp dụng) với điều kiện Bên B đã xử lý xong mọi tồn tại về hàng hóa, đồng thời với việc Bên B nộp bảo lãnh bảo hành và Bên B nộp cho Bên A 01 bản gốc và 5 bản sao các chứng từ để thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán 10% giá trị hợp đồng chưa bao gồm VAT. ▪ Giấy xác nhận hàng hoá đã được nghiệm thu đưa vào vận hành hoặc giấy xác nhận chuyển hàng cuối cùng đã được bàn giao. ▪ Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành, có giá trị tương ứng 5% giá trị hợp đồng; ▪ Phiếu giá thanh toán theo quy định. <p>+ Đối với chi phí dịch vụ: 100% chi phí dịch vụ bao gồm thuế GTGT sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên mua</p>

	<p>nhận được 01 bản gốc và 05 bản sao các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán phí dịch vụ. ▪ Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng ▪ Chứng chỉ do Bên mua phát hành xác nhận Bên bán đã hoàn thành các dịch vụ theo yêu cầu của hợp đồng. ▪ Phiếu giá thanh toán theo quy định. <p><i>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với loại hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.</i></p> <p>Công tác thanh toán phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT tại QĐ số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <p><i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i></p>
E-ĐKC 15.2	<p>Quyền: ____ [<i>trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này</i>]</p>
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyển tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu hụt các phương tiện chuyên tải chuyên dùng ở mọi điểm. - Tất cả các kiện hàng có trọng lượng từ 3 tấn trở lên hoặc kích cỡ từ 1m³ trở lên cần phải được đánh dấu trọng tâm của kiện hàng đó bằng ký hiệu “0” hoặc 2 chữ “TT”. Trên bề mặt của tất cả các kiện hàng sẽ được ghi rõ ràng các dòng chữ sau đây: <p>Đóng gói hàng hóa: Ký hiệu và mã số sau đây được thực hiện bằng sơn không phai màu trên mỗi kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hợp đồng: - Tên dự án: - Người gửi:

	<ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: - Kích thước: - Thể tích (m³): - Khối lượng tịnh và toàn bộ:
E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng 110% giá trị hàng hóa từ "kho" tới "kho" trên cơ sở "tất cả các rủi ro" ngoại trừ rủi ro chiến tranh hoặc đình công. ▪ Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bên B có trách nhiệm yêu cầu, đôn đốc và phối hợp với tổ chức bảo hiểm để hoàn tất việc bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hóa được bảo hiểm trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Mọi chi phí liên quan đến bảo hiểm do Nhà thầu chi trả. ▪ Bên mua bảo hiểm: Nhà thầu ▪ Bên được bảo hiểm hoặc bên thụ hưởng: Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia (EVNNPT) <p>Tuân thủ Văn bản 2980/EVNNPT- QLĐT-TCKT-VT ngày 29/7/2016 của Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia về “Quy định về bảo hiểm hàng hóa và sửa đổi bổ sung mẫu HSMT vận chuyển hàng hóa nội địa, HSMT/HSYC mua sắm MBA và kháng điện”.</p> <p><i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i></p>
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau:</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển hàng hoá tới địa điểm giao hàng. Trước khi tiến hành vận chuyển MBA, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư: giấy phép vận chuyển hàng hóa siêu trường siêu trọng và Giấy chứng nhận bảo hiểm.</p> <p>Nhà thầu đảm bảo tuân thủ quy trình vận chuyển máy biến áp theo Quy định về di dời, vận chuyển máy biến áp kháng điện và VTTB nhất thứ áp dụng trong EVNNPT theo Quyết định số 1773/QĐ-EVNNPT ngày 09/09/2025 và và Quyết định 2438/QĐ-EVNNPT ngày 12/12/2025 [<i>Cập nhật qui định hiện hành của EVN/EVNNPT</i>].</p> <p>- Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá (kể cả chi phí bốc dỡ hàng hoá lên phương tiện vận chuyển và xuống mặt bằng tại điểm đến cuối cùng), chi phí bảo hiểm (nếu có) đều do Bên B thanh toán và tính vào trong giá hợp đồng.

	<p>+ Bên B phải phối hợp với đơn vị quản lý dự án; tư vấn giám sát; nhà thầu xây lắp đảm bảo dự án không bị trở ngại trong bất cứ giai đoạn thi công nào.</p> <p>+ Các yêu cầu khác về dịch vụ kỹ thuật: Bên B được yêu cầu cung cấp bất kỳ hoặc tất cả các dịch vụ liên quan đến lắp đặt, vận hành hàng hoá.</p>
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: _____ [<i>mô tả cụ thể các dịch vụ</i>].
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>Bên B phải tuân thủ theo Quy trình mua sắm và quản lý hợp đồng MBA, kháng điện 220kV và 500kV ban hành theo Quyết định số 1084/QĐ-EVNNPT ngày 21/06/2025 [<i>Cập nhật qui định hiện hành của EVN/EVNNPT</i>] và Chương V của HSMT.</p> <p>a) Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trên cơ sở phù hợp với yêu cầu nêu tại Chương V.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả hàng hóa cần phải được thử nghiệm để khẳng định tính đáp ứng các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu. - Không muộn hơn 15 ngày trước khi tiến hành các gia công lắp ráp các hạng mục MBA theo quy trình mà đã được Bên A xác nhận là cần có sự giám sát của Bên A, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A về ngày, giờ, địa điểm và nội dung các kiểm tra đó tại nhà máy. - Không muộn hơn 07 ngày trước khi tiến hành các thử nghiệm FAT cho MBA theo hợp đồng, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A về ngày, giờ, địa điểm và nội dung các thử nghiệm đó tại nhà máy. Nộp năm (05) bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm tại nơi chế tạo. Việc chấp nhận hàng hóa hoặc khước từ giám định, chứng kiến thử nghiệm của Bên A đều không thể giải phóng Bên B trách nhiệm cấp hàng theo yêu cầu của hợp đồng. - Bên A thực hiện chứng kiến thử nghiệm FAT MBA tại nhà máy sản xuất MBA theo quy trình mua sắm và quản lý hợp đồng MBA, kháng điện 500kV và 220kV ban hành theo quyết định số 1084/QĐ-EVNNPT ngày 21/06/2025: Chỉ yêu cầu chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng FAT đối với các trường hợp sau: i) Máy biến áp và kháng dầu của các nhà sản xuất lần đầu tiên được lắp đặt trên lưới điện truyền tải của EVNNPT; ii) Chung loại máy biến áp và kháng dầu lần đầu tiên được lắp đặt trên lưới điện truyền tải của EVNNPT của các nhà sản xuất (<i>Trong trường hợp nếu có quy định khác thay thế các quy định trên thì thay thế bằng các quy định thay thế</i>). Chi phí này sẽ do nhà thầu chịu <p>b) Kiểm tra trước khi chấp nhận hàng hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và tình trạng của hàng hóa sẽ được kiểm tra tại kho Bên

	<p>Mua bởi đại diện của Bên bán, Bên mua và đơn vị giám định độc lập. Biên bản giám định sẽ được lập và ký bởi các bên và là cơ sở để Bên Mua khiếu nại Bên bán nếu hàng hóa có sai khác. Chi phí giám định do Bên Bán chịu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp hàng hoá mua không đúng quy định hoặc có khác biệt so với quy định trong Hợp đồng, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại số hàng hóa thay thế không phù hợp đó, cấp tại kho công trình và chịu toàn bộ các chi phí liên quan (chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB không đúng quy định + chi phí lắp đặt, thí nghiệm lại (nếu có)) trong vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Bên A. Bên A sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của Nhà thầu. - Các chi phí liên quan đến sai khác về số lượng và chất lượng hàng hoá bao gồm vận chuyển bốc dỡ tại địa điểm giao nhận do Bên B chịu trách nhiệm - Bên A sẽ có quyền tham dự các cuộc kiểm định nêu trên bằng chi phí của mình. - Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất. Việc nghiệm thu của Bên A không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật tư về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất, thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi của Bên B hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng.
E-ĐKC 21.2	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa sẽ được chuẩn xác trong quá trình thực hiện hợp đồng <i>[ghi địa điểm]</i>.</p>
E-ĐKC 22	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 01% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm/tuần và tùy theo thời gian thực hiện hợp đồng, có thể phạt từ 1-3% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p>

Quy định chi tiết:

+ Nếu hàng giao chậm là phụ kiện của thiết bị thì giá trị tính phạt là giá trị của thiết bị.

+ Công thức tính phạt vi phạm hợp đồng:

* Trong vòng 4 tuần đầu tiên:

$$P = \frac{01\% \text{ giá trị hàng hóa chậm trễ x số ngày giao chậm}}{7}$$

* Trong các tuần tiếp theo:

$$P = \frac{01 - 03 \text{ giá trị hàng hóa chậm trễ x số ngày giao chậm}}{7}$$

+ Nếu Bên B chậm trễ việc xử lý tồn tại hàng hóa quá 10 ngày so với ngày Bên A thông báo xử lý tồn tại làm ảnh hưởng đến tiến độ công trình thì Bên B phải chịu phạt với mức 0,5% giá trị của hàng hóa có tồn tại cần phải xử lý do lỗi của Bên B cho mỗi tuần chậm trễ.

+ Trong trường hợp nhà thầu chậm trễ cung cấp VTTB theo tiến độ hợp đồng quá 30 ngày mà không có sự chấp thuận của bên A hoặc không phải do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc các nguyên nhân khác theo thỏa thuận; sự chậm trễ cung cấp VTTB là nguyên nhân làm chậm tiến độ hoàn thành công trình thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với phần khối lượng cung cấp chậm của Bên B và chuyển phần khối lượng này cho bên khác thực hiện (Theo Khoản 1, Điều 41 của Nghị định 37).

+ Trong trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hoá không đúng quy định hoặc có khác biệt so với quy định trong Hợp đồng và không có khả năng thay thế trong vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Bên A. Bên A sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp cho Bên B (bằng chi phí của Bên B) và Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với phần khối lượng hàng hóa cung cấp không đúng quy định của Bên B và chuyển phần khối lượng này cho bên khác thực hiện.

2. Bồi thường thiệt hại: **Áp dụng.**

+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để

	<p>đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. • Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá. <p>- Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng.</p>
<p>E-ĐKC 23.3</p>	<p>Thời hạn bảo hành là:</p> <p>+ Đối với MBA: Thời gian bảo hành là 60 tháng kể từ ngày đóng điện nghiệm thu công trình hoặc 66 tháng kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng, điều kiện nào đến trước áp dụng.</p> <p>+ Đối với các hàng hoá khác: Thời gian bảo hành là 24 tháng kể từ ngày đóng điện nghiệm thu công trình hoặc 36 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng, điều kiện nào đến trước áp dụng.</p> <p>- Giá trị bảo lãnh bảo hành: 5% giá hợp đồng.</p> <p>- <u>Bảo lãnh bảo hành</u>: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng/ngày giao hàng cuối cùng được chấp thuận nghiệm thu hàng hóa (<i>phù hợp với yêu cầu bảo hành phía trên</i>) và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 30 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p><u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành</u>: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ phát hành đến hết 30 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>- Hai bên thống nhất sử dụng mẫu Phiếu bảo hành Vật tư thiết bị (VTTB) do EVNNPT ban hành tại Văn bản số 1237/EVNNPT-PC ngày 10/04/2018 (<i>Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới</i>)</p> <p>- Trong thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị định kỳ theo quy định. Trong trường hợp thiết</p>

	<p>bị bị hỏng hóc, sự cố không do lỗi vận hành, Nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục sửa chữa, cung cấp và thay thế trong thời gian sớm nhất.</p> <p>- Ngoài thời hạn bảo hành, nếu thiết bị bị hỏng hóc, sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư cũng như đơn vị quản lý vận hành kiểm tra, khắc phục sửa chữa ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian sớm nhất.</p> <p>- Nhà thầu/nhà sản xuất phải có trách nhiệm giải quyết, xử lý các khiếm khuyết và hỏng hóc của thiết bị do lỗi của nhà sản xuất sau khi hết bảo hành. Nếu nhà thầu/nhà sản xuất không kịp thời khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết hay hỏng hóc của thiết bị bên mua có quyền tạm dừng mua chủng loại thiết bị đó.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: _____ [ghi tên một hoặc một số địa điểm].</p>
<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Đối với các VTTB sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho các thiết bị này là 24 tháng (đối với MBA là 60 tháng) kể từ ngày kết thúc việc sửa chữa hoặc thay thế. Bên bán sẽ chịu toàn bộ chi phí sửa chữa hoặc thay thế bao gồm các chi phí về nhân công và các chi phí phát sinh liên quan;</p> <p>- Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>- Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>- Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 21 ngày trước ngày bảo</p>

lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

+ Khi kiểm tra, nghiệm thu cũng như trong quá trình lắp đặt vận hành, nếu hàng hoá không phù hợp về mặt kỹ thuật hoặc chất lượng không đảm bảo thì Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản để Bên B có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời, nhưng không muộn hơn 15 ngày kể từ khi Bên B nhận được thông báo của Bên A.

+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời hạn bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B trong vòng:

- Đối với hàng hóa được xác định có thể xử lý tại công trường là 15 ngày kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản;

- Đối với hàng hóa được xác định không thể xử lý tại công trường là 90 ngày kể từ ngày Bên A đề nghị xử lý tồn tại bằng văn bản.

- Quá thời gian 15 ngày theo quy định mà Bên B không có biện pháp xử lý thì Bên A được toàn quyền xử lý khắc phục sự cố hay hư hỏng. Toàn bộ chi phí xử lý do Bên B chịu.

- Sau thời gian bảo hành, Bên B phải có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và hỗ trợ Bên A trong quá trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và các vấn đề về nâng hạ cũng như các phát sinh khác liên quan đến máy biến áp. Việc hợp tác của Bên B sẽ được xem xét trong quá trình đánh giá các gói thầu tiếp theo.

- Khi kết thúc bảo hành, Bên B lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Bên A. Bên A có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp vật tư thiết bị. Bên A mời Đơn vị quản lý vận hành tham gia xác nhận hoàn thành bảo hành cung cấp VTTB. Trong trường hợp Bên A hoặc đơn vị quản lý vận hành chưa chấp nhận Bên B hoàn thành việc bảo hành công trình thì Bên A phải làm việc với Bên B để thống nhất các nội dung, thời gian khắc phục các tồn tại đó. Đồng thời gia hạn thời gian bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại nêu trên. Sau khi các tồn tại được giải quyết, Bên B sẽ thực hiện lại thủ tục yêu cầu xác nhận hoàn thành việc bảo hành. Đồng thời Bên A thực hiện các thủ tục giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Bên B.

- Đánh giá chất lượng VTTB trong giai đoạn vận hành: Công khai trong HSMT để nhà thầu tham dự thầu biết các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định

	của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% [<i>nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%</i>] giá trị giảm giá hợp đồng.